

Số: **185/2020/QĐST-HNGĐ**

TP. Tuyên Quang, ngày 03 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Đình Kim C**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn T, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Tuyết M và anh Đình Kim C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về con chung:* Giao cháu Đình Thành H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2019 cho chị Lê Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Đinh Kim C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị Tuyết M là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng); thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2020 trở đi cho đến khi cháu Đinh Thành H, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2019 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là mỗi tháng nộp một lần.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Tuyết M và anh Đinh Kim C cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Lê Thị Tuyết M và anh Đinh Kim C cùng xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Tuyết M tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Tuyết M số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Đinh Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. T (2 bản);
- THADS TP. T (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường M (để biết);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn

